

Hăngri III phải kết đồng minh với Hăngri đơ Nava, tuyên bố Hăngri đơ Nava là người kế thừa của mình và quân đội của hai vua sẽ tiến vào Pari. Nhưng chưa kịp trở về Pari, ngày 1-8-1589, Hăngri III bị một giáo sĩ Dominicanh ám sát. Vương triều Valoa đến đây kết thúc. Hăngri đơ Nava được cử lên làm vua Pháp. Triều Buốcbông bắt đầu.

Tuy được coi là người thừa kế hợp pháp, nhưng trong những năm đầu, Hăngri gặp rất nhiều khó khăn : phe Cựu giáo không thừa nhận, vua Philíp II của Tây Ban Nha đưa quân sang Pháp để giúp Cựu giáo, nông dân nhiều nơi khởi nghĩa. Để tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhiều thế lực, năm 1593, Hăngri đổi theo Cựu giáo. Năm 1594, Hăngri cử hành lễ gia miện, lấy hiệu là Hăngri IV.

Sau khi đã làm yên lòng phe Cựu giáo, sau 1598, Hăngri IV ban hành sắc lệnh Năngtơ, trong đó quy định một số nhượng bộ đối với phe Tân giáo như mọi người được tự do tín ngưỡng, tín đồ Tân giáo và Cựu giáo bình đẳng về chính trị và trước pháp luật ; ở những thành phố do Tân giáo chiếm lĩnh trước kia, Tân giáo được cử quan lại và duy trì quân đội của mình, tức là được hưởng quyền tự trị. Cuộc chiến tranh tôn giáo đến đây kết thúc.

### **3. Sự phát triển của chế độ quân chủ chuyên chế nửa đầu thế kỉ XVII**

#### *a) Những chính sách của Hăngri IV*

Trong thời gian diễn ra cuộc chiến tranh tôn giáo, nước Pháp bị chia năm xẻ bảy, chính quyền trung ương suy yếu, đồng thời nền kinh tế bị tàn phá nặng nề. Trước tình hình ấy, là một trong những ông vua lỗi lạc của nước Pháp, Hăngri IV đã thi hành nhiều chính sách tích cực để phát triển kinh tế và đề cao quyền lực của chính phủ trung ương.

Biện pháp hàng đầu trong chính sách kinh tế của Hăngri IV là khuyến khích việc sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, vì theo ý kiến của Xuylơ (Sully), Tổng trưởng tài chính và là cố vấn của nhà vua thì "trồng trọt và chăn nuôi là hai bầu sữa nuôi sống nước Pháp". Trong khi đó, nhà nước lại giảm nhẹ thuế cho nông dân, nên họ lại càng tích cực sản xuất.

Bên cạnh nông nghiệp, Hăngri IV còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công thương nghiệp như khuyến khích nghề trồng dâu nuôi tằm, nghiêm cấm việc xuất khẩu nguyên liệu, hạn chế việc nhập khẩu hàng công nghiệp của nước ngoài. Năm 1604, bắt chước Anh và Hà Lan, Pháp cũng thành lập Công ti Đông Ấn Độ. Cũng năm đó, Pháp chiếm được một mảnh

đất ở Canada đặt tên là Po Roayan (Port Royal) nay là Anapôli ; bốn năm sau (1608), lại chiếm được Kêbêch (Québec). Những chính sách đó rất phù hợp với quyền lợi của giai cấp tư sản, nên Hăngri IV được họ tích cực ủng hộ.

Song song với những biện pháp nhằm phát triển kinh tế, Hăngri IV đã thi hành nhiều chính sách nhằm khôi phục chế độ quân chủ chuyên chế đã bị suy sụp trong thời chiến tranh tôn giáo. Nhận được sự ủng hộ của nhiều tầng lớp xã hội, Hăngri IV đã tập trung mọi quyền lực về hành chính và tài chính vào tay mình. Ngay như công việc của giáo hội Pháp, Hăngri IV cũng không cho giáo hoàng can thiệp. Đối với các lãnh chúa phong kiến Cựu giáo cũng như Tân giáo, Hăngri IV chủ trương dùng tiền một cách hào phóng để mua chuộc họ, nhưng nếu ai chống lại thì sẽ bị thẳng tay trừng trị. Chính Hăngri IV đã nói : *"Trẫm muốn rằng không ai được thắc mắc về những mệnh lệnh của trẫm. Trẫm là chúa tể, trẫm muốn được mọi người vâng lệnh"*. Do vậy, sau lần họp năm 1593, từ khi Hăngri IV chính thức làm lễ gia miện cho đến khi ông chết, hội nghị ba cấp không hề được triệu tập.

Mặc dù Hăngri IV đã có những cống hiến đáng kể đối với đất nước và ông đã đổi theo Cựu giáo, nhưng đối với những phần tử cực đoan trong Thiên chúa giáo, ông vẫn bị coi là một kẻ tà giáo và là người bạn của bọn tà giáo. Vì vậy, năm 1610, ông bị một tên thích khách thuộc phe Cựu giáo ám sát trên đường phố Pari

#### *b) Risolior và sự phát triển chế độ quân chủ chuyên chế ở Pháp*

Sau khi Hăngri IV bị giết chết, Luy XIII (1610–1643) mới được 9 tuổi lên nối ngôi cha, nên mẹ ông là Mari dờ Mêđixi<sup>(1)</sup> phải làm nhiếp chính. Trước tình hình ấy, giai cấp quý tộc phong kiến rất phấn khởi, họ nói rằng : *"Chúng ta thì đã trưởng thành mà nhà vua thì còn nhỏ dại"*. Một số trong hàng ngũ quý tộc nuôi âm mưu chống lại chính quyền trung ương, còn nói chung thì tỏ ra rất hống hách, thiếu tinh thần hiệp lực với các tầng lớp khác để xây dựng đất nước. Để giải quyết khó khăn về tài chính, năm 1614, chính phủ Pháp lại triệu tập hội nghị ba cấp. Trong hội nghị này, một đại biểu của đẳng cấp thứ ba đề nghị nhà vua nên coi "ba đẳng cấp như ba anh em : tầng lữ là anh cả, quý tộc là anh thứ hai, thị dân là em thứ ba", nhưng đại biểu của quý tộc đã trả lời một cách ngạo mạn rằng họ không thể làm anh em với "con của người thợ giày".

---

(1) Hăngri IV đã li hôn với Hoàng hậu Mácgơrit từ năm 1599.

Trong khi đó, phe Tân giáo vẫn là một lực lượng đáng kể. Họ có địa bàn riêng, có chính quyền tự trị và có lực lượng vũ trang riêng. Đó là một chướng ngại lớn đối với việc xây dựng chế độ tập quyền trung ương.

Trong hoàn cảnh ấy, nước Pháp đã xuất hiện một nhà chính trị tài năng không những đã vãn hồi tình trạng khó khăn nói trên mà còn nhanh chóng làm cho nước Pháp trở thành một quốc gia hùng mạnh. Đó là Risolior (Richelieu) (1585-1642).

Risolior vốn là một giáo sĩ xuất thân từ giai cấp quý tộc. Năm 1614, ông được dự hội nghị ba cấp với tư cách là một đại biểu của đẳng cấp tăng lữ, năm 1616 làm Tổng trưởng Ngoại giao, đến năm 1624 làm Tể tướng, đồng thời được phong chức Hồng y giáo chủ. Sau khi được giữ trọng trách, Risolior tự xác định cho mình nhiệm vụ như sau :

"Tôi đã hứa với đức vua là sẽ sử dụng toàn bộ tâm trí của tôi và tất cả mọi quyền hành mà ngài đồng ý giao phó cho tôi để làm tan rã đảng Huygônô, giảm bớt sự kiêu ngạo của các ngài quý tộc, bắt buộc các thần thuộc phải thực hiện nghĩa vụ của họ và đề cao uy danh của đức vua ở các nước láng giềng đến mức độ xứng đáng".

Như vậy mục tiêu phấn đấu của Risolior là : làm tan rã phe Tân giáo với tư cách là một đảng phái chính trị, làm yếu thế lực của tầng lớp quý tộc lớn và đề cao địa vị quốc tế của nước Pháp.

Lúc bấy giờ, ở miền Nam đang tồn tại nước cộng hoà Tân giáo mà cảng La Rôsen thực chất là thủ đô của nước cộng hoà ấy. Phe Tân giáo có một hạm đội mạnh hơn hạm đội của nhà vua. Họ lại được sự viện trợ tích cực của vua Anh. Năm 1626, họ tập hợp lực lượng để bảo vệ quyền tự do của họ đang bị đe doạ. Năm 1627, Risolior tự mình cầm quân đi tấn công La Rôsen và bao vây thành phố này trong 15 tháng. Cuối cùng, vì không chịu nổi nạn đói, La Rôsen phải đầu hàng. Năm 1629, Risolior ban bố "*Sắc lệnh ân huệ*" cho tín đồ Tân giáo được tự do tín ngưỡng và được tha thứ tội làm phản, nhưng thành luỹ của họ phải phá bỏ, quân đội phải giải tán và quyền tự trị bị thủ tiêu.

Đối với tầng lớp quý tộc, Risolior đề nghị nhà vua ra lệnh phá huỷ những pháo đài không cần thiết về mặt quốc phòng và những thành trì ở những nơi đã nổi dậy phiến loạn. Đồng thời, nhà nước ra lệnh cấm giới quý tộc không được dùng biện pháp đấu kiếm để giải quyết mâu thuẫn, nếu vi phạm sẽ bị xử tử. Đối với những âm mưu chống đối chính quyền nhà vua, Risolior kiên quyết thẳng tay trừng trị. Trong 18 năm cầm quyền, ông đã xử tử 2 công tước, 4 bá tước và 41 đại quý tộc.

Đối với bên ngoài, Risoliơ tích cực thi hành chính sách xâm chiếm thuộc địa và đã chiếm được một số cứ điểm mới ở Canada, ở quần đảo Ăngti. Năm 1635, người Pháp đến Guyan (ở Nam Mỹ) và thành lập ở đó cứ điểm Cayen. Với sự giúp đỡ của chính phủ, Công ti Đông Ấn Độ của Pháp đã đến thành lập Sở đại lí ở Madagaxca và tiếp đó là Xênegan và Tây Phi. Đồng thời, mặc dù là một Hồng y giáo chủ, nhưng Risoliơ đã ủng hộ phái Tân giáo ở Đức, Đan Mạch, Thụy Điển để chống vương triều Hápxbua của đế quốc Rôma thần thánh nhằm mở rộng cương giới nước Pháp.

Như vậy, với những chính sách của Risoliơ, đến giữa thế kỉ XVII, nước Pháp đã trở thành một nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền và là một quốc gia hùng mạnh ở Tây Âu.

## **Chương XI**

# **CÁCH MẠNG NÊĐÉCLAN**

## **I – TÌNH HÌNH NÊĐÉCLAN TRƯỚC CÁCH MẠNG**

### **1. Vài nét về lịch sử**

Nêđéclan (Nederland) nghĩa là "Xứ thấp" vì phần lớn đất đai ở đây thấp hơn mặt biển. Phạm vi địa lí của Nêđéclan gồm lãnh thổ của các nước Hà Lan, Bỉ, Luyxămbua và một số vùng ở Đông Bắc nước Pháp.

Thời cổ đại, sau khi bị Xêda chinh phục năm 57 tr. CN, Nêđéclan bị biến thành một tỉnh của đế quốc Rôma.

Đầu thời trung đại, Nêđéclan nằm trong bản đồ của vương quốc Frăng. Chính dưới thời Săclomanhơ, Kitô giáo mới bắt đầu được truyền bá ở xứ này. Sau Hiệp ước Vécđoong năm 843, Nêđéclan bị chia thành nhiều lãnh địa phong kiến lập thành các công quốc, bá quốc... Phần lớn các tiểu quốc ấy bị phụ thuộc vào vua Pháp hoặc hoàng đế Đức.

Đến thế kỉ XIV–XV, nhiều tiểu quốc ở Nêđéclan như Flăngđơ, Brabăng, Henô, Luyxămbua... bị sáp nhập vào công quốc Buốcgônơ. Nhưng đến năm 1477, khi bản thân lãnh địa của công tước Buốcgônơ bị rơi vào tay vua Pháp Luy XI thì, do cuộc hôn nhân giữa nữ công tước Mari xứ Buốcgônơ với Mácximiliêng họ Hápxbua, Nêđéclan lại chuyển sang tay họ Hápxbua của Áo.

Con Mácximiliêng là Philip "Đẹp trai" được kế thừa xứ Nêđéclan. Ông kết hôn với công chúa Tây Ban Nha là Hoanna "Điên", con gái của Phécđinăng và Ixabenla. Năm 1516, Phécđinăng chết. Vì không có con trai thừa kế, nên ngôi vua Tây Ban Nha được truyền cho cháu ngoại là Săclơ, hiệu là Săclơ I (1516–1558). Thế là Nêđéclan và Tây Ban Nha trở thành

một vương quốc nằm dưới quyền thống trị của Sácơ I. Năm 1519, ông nội của Sácơ là Mácximiliêng chết, Sácơ lại được bầu làm Hoàng đế Đức, hiệu là Sácơ V, quen gọi là Sácơ Canh. Đến đây, phạm vi thống trị của Sácơ V lại càng rộng lớn, bao gồm Đức, Tiệp Khắc, Hunggari, Tây Ban Nha, Nêđéc-lan và thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ.

Năm 1556, Sácơ V ốm nặng phải thoái vị. Đế quốc Sácơ V chia thành hai nước. Ngôi hoàng đế Đức được truyền cho em của Sácơ V là Phécđinăng, còn ngôi vua Tây Ban Nha thì truyền cho con là Philíp II (1556–1598). Nêđéc-lan lại trở thành một bộ phận của vương quốc Tây Ban Nha.

## **2. Tình hình kinh tế xã hội**

Nêđéc-lan là một nước có nền kinh tế phát triển tương đối sớm so với các nước khác ở Tây Âu.

Từ thế kỉ XIII, XIV, nghề dệt len dạ ở Flăngđơ thuộc miền Nam Nêđéc-lan đã rất nổi tiếng mà về mặt kĩ thuật, lúc bấy giờ chỉ có Phiren-xê mới sánh kịp, nhưng về quy mô sản xuất thì trung tâm len dạ này của Italia cũng không bằng. Do vậy, trong khi chỉ có 1/10 số lượng lông cừu xuất khẩu của Anh chở sang Phiren-xê thì 9/10 được nhập vào Nêđéc-lan. Còn len dạ do các thành phố của Anh, Pháp, Đức sản xuất thì còn xa mới cạnh tranh được với Nêđéc-lan.

Đến thế kỉ XVI, nền thủ công nghiệp của Nêđéc-lan càng phát triển một cách toàn diện. Ngoài len dạ, ở đây còn có nhiều nghề khác như dệt vải bông, vải gai, dệt thảm, làm đồ da, đồ kim loại, đồ thuỷ tinh, đóng thuyền v.v... Đồng thời với những tiến bộ mới về thủ công nghiệp, nền thương nghiệp của Nêđéc-lan cũng phát triển mạnh mẽ, nhất là về ngoại thương. Lúc bấy giờ, Nêđéc-lan có quan hệ buôn bán rộng rãi với Anh, các nước ven biển Bantích, Nga, Tây Ban Nha và thuộc địa của nước này ở châu Mỹ. Ngoài ra, do vị trí địa lí thuận lợi, nghề đánh cá cũng giữ vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế.

Trên cơ sở phát triển của nền công nghiệp, tổ chức phường hội ngày càng tan rã, ngược lại các công trường thủ công tư bản chủ nghĩa xuất hiện một cách nhanh chóng. Ở các tỉnh có nền kinh tế phát triển lâu đời như Flăngđơ, Brabăng ở miền Nam và Hô-lan, Dê-lan, U-tơ-rêc-t ở miền Bắc, các hình thức công trường thủ công tập trung, phân tán, hỗn hợp đã xâm nhập trong nhiều ngành sản xuất, nhất là trong công nghiệp dệt, đóng thuyền, gia công kim loại v.v...

Nhờ có nền công thương nghiệp phát triển sớm, Nêđéc-lan trở thành một nước có nhiều thành phố. Với một lãnh thổ tương đối nhỏ bé và dân số khoảng 3 triệu người, Nêđéc-lan có tới trên 300 thành phố lớn nhỏ, trong đó nổi tiếng nhất là An-véc-pen (Antwerpen).

Sau các cuộc phát kiến lớn về địa lí, do sự chuyển dịch trung tâm kinh tế của Tây Âu từ vùng Địa Trung Hải lên vùng ven bờ Đại Tây Dương, Anvécpen trở thành một thành phố thương nghiệp và tín dụng có tính chất quốc tế. Tại đây có các xưởng sản xuất đường, xà phòng, thuỷ tinh, gia công nhuộm len dạ của Anh. Đây cũng là nơi trung chuyển các loại hàng xuất khẩu do các tỉnh Flăngđơ, Brabăng sản xuất. Anvécpen có một bến cảng được xây dựng rất hoàn thiện, có thể đậu một lúc 2500 thuyền buôn đến từ các nơi trên thế giới.

Trong thành phố, có sở giao dịch hàng hoá và sở giao dịch tiền tệ. Hằng năm có khoảng 5000 nhà buôn các nước trên thế giới đến đây xem mẫu hàng và kí hợp đồng buôn bán. Ở đây còn có hơn một nghìn chi nhánh của Sở thương vụ các nước ngoài.

Trong nông nghiệp, ở những tỉnh kinh tế phát triển như Flăndrơ, Brabăng, Hôlan, Dêlan v.v..., một số lãnh chúa phong kiến hoặc đem ruộng đất cho thuê hoặc kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Các thị dân giàu có và các chủ trại thì mua ruộng đất của quý tộc rồi thuê người làm, nhiều đầm lầy được tháo nước biến thành những nông trường chăn nuôi bò sữa. Trong quá trình ấy, nhiều nông dân bị tước đoạt phần đất được chia và bị đuổi khỏi mảnh đất đó, vì thế đã biến thành những cố nông, công nhân các công trường thủ công hoặc những kẻ lang thang.

Như vậy, nhìn chung đến thế kỉ XVI nền kinh tế ở Nêdéclan đã phát triển nhanh chóng và quan hệ tư bản chủ nghĩa đã thâm nhập vào các lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, trong quá trình ấy, ở Nêđécclan đã hình thành hai miền kinh tế với hai trung tâm riêng biệt là Amxtécđam và Anvécpen. Trong hai miền ấy, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở miền Bắc tỏ ra thuận lợi và sâu rộng hơn ở miền Nam, ngay những tỉnh nông nghiệp lạc hậu cũng đã bị lôi cuốn vào nền kinh tế hàng hoá. Đồng thời, trong khi miền Bắc có quan hệ kinh tế rộng rãi với nhiều nước ; thì trái lại, miền Nam bị lệ thuộc vào Tây Ban Nha, nhất là phải dựa vào Tây Ban Nha để được cung cấp lông cừu cho nghề len da.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, cơ cấu giai cấp trong xã hội cũng thay đổi.

Do tác động của nền kinh tế hàng hoá, giai cấp quý tộc phong kiến đã bị phân hoá. Chỉ ở những nơi kinh tế nông nghiệp lạc hậu như ở vùng Tây Nam và vùng Đông Bắc, các lãnh chúa phong kiến vẫn duy trì hình thức bóc lột như cũ. Còn ở những tỉnh có nền công thương nghiệp phát triển, một bộ phận quý tộc đã thay đổi phương thức kinh doanh ruộng đất như cho các chủ trại thuê hoặc đầu tư vốn vào việc đắp đê biến những vùng đất thấp thành bãi cỏ để chăn nuôi súc vật nhằm cung cấp cho thị trường, do vậy họ đã biến thành tầng lớp quý tộc mới.

Giai cấp tư sản phân hoá từ tầng lớp thị dân đang trên đường hình thành. Họ bao gồm các thương gia lớn, các chủ công trường thủ công.

Tầng lớp bình dân thành thị bao gồm thợ thủ công phá sản, thợ bán, công nhân công trường thủ công, công nhân khuôn vác... Ở các thành phố tương đối lớn, tầng lớp này chiếm từ một nửa số dân trở lên.

Giai cấp nông dân cũng có sự phân hoá. Nói chung đến thế kỉ XVI, chế độ nông nô đã tan rã. Một bộ phận nông dân trở thành những phú nông, họ có liên hệ kinh tế với thị trường địa phương và bóc lột sức lao động làm thuê của những nông dân nghèo khổ. Trái lại, những nông dân bị phá sản hoặc bị cướp mất phần đất của mình thì biến thành cố nông, công nhân công trường thủ công hoặc những kẻ lang thang. Ở những nơi nông nghiệp lạc hậu, nông dân vẫn tiếp tục chịu sự bóc lột phong kiến, nhưng hình thức địa tô phổ biến là tô tiền. Các giai cấp và tầng lớp xã hội ấy, trừ tầng lớp quý tộc cũ, nói chung đều muốn có một sự thay đổi về chính trị, do vậy về mặt hệ ý thức, họ cũng tiếp thu những hình thức tôn giáo mới. Về đại thể, tầng lớp quý tộc mới thì chọn một loại tôn giáo ôn hoà nhất là đạo Luthơ, giai cấp tư sản và phú nông thì theo Tân giáo Canvanh, còn bình dân thành thị, nông dân thì hoặc là theo đạo Canvanh hoặc là theo phái Rửa tội lại.

### **3. Chính sách thống trị của Tây Ban Nha đối với Nêdéclan**

Từ khi bị phụ thuộc vào đế quốc Hápxbua, các công quốc, bá quốc, lãnh địa giáo chủ ở Nêdéclan tuy vẫn giữ được ít nhiều quyền tự trị, nhưng đã biến thành các tỉnh của một nhà nước thống nhất. Kể thống trị toàn xứ Nêdéclan là viên Toàn quyền thay mặt hoàng đế đế quốc Rôma thần thánh và từ năm 1556 về sau là thay mặt vua Tây Ban Nha, thủ phủ đóng ở Brucxen (Bruxelles). Đứng đầu các tỉnh là các tổng đốc. Bên cạnh những chức quan ấy, ở trung ương và các tỉnh còn có Hội nghị ba cấp toàn Nêdéclan và Hội nghị ba cấp của các tỉnh mà quyền hành chủ yếu của tổ chức này là quyết định vấn đề thuế khoá.



Trong quá trình ấy, Sác lơ V và nhất là Philip II ngày càng tăng cường áp bức bóc lột Nêđéc lan, coi xứ này như một thuộc địa của Tây Ban Nha.

*Về chính trị*, từ thời Sác lơ V, đặc quyền của một số tỉnh và thành phố Nêđéc lan đã bị hạn chế. Đặc biệt đến thời Philip II, một bạo chúa dân dòn, thiển cận và cuồng tín Thiên chúa giáo, chế độ chuyên chế càng được tăng cường ở Nêđéc lan. Trước đây, nhiều người Flăngđơ sang làm quan ở Tây Ban Nha, giờ đây trái lại nhiều người Tây Ban Nha được cử sang cai trị Nêđéc lan. Năm 1559, Philip II bổ nhiệm nữ công tước Mácgơrit (Marguerite), con ngoài giá thú của Sác lơ V, chị của Philip II, làm Toàn quyền Nêđéc lan và cử Hồng y giáo chủ Granvenla (Granvella), một kẻ tham quyền độc ác, làm Phụ chính. Dưới chiêu bài chuẩn bị tấn công Pháp, Philip II điều một đội quân từ Tây Ban Nha sang chiếm đóng Nêđéc lan.

*Về tôn giáo*, Sác lơ V và Philip II thi hành chính sách đàn áp khốc liệt các loại tân giáo. Từ năm 1521, Sác lơ V bắt đầu ban bố "Sắc lệnh trừng phạt" trong đó quy định những tín đồ dị giáo chịu hối cải thì bị trừng phạt nặng nề, còn những kẻ ngoan cố tin "tà giáo ma quỷ" thì bị xử tử và tịch thu tài sản. Tiếp đó, năm 1552, chính quyền Tây Ban Nha thành lập toà án tôn giáo ở Nêđéc lan để xét xử các tín đồ Tân giáo. Đến năm 1550, Sác lơ V lại ban bố một sắc lệnh càng tàn khốc hơn, quy định không những tín đồ Tân giáo bị xử tử (nam thì chém, nữ thì chôn sống) mà những người giúp đỡ, che giấu, thậm chí nói chuyện thân mật với tín đồ Tân giáo cũng bị tịch thu tài sản. Vì khắc nghiệt như vậy, nhân dân gọi sắc lệnh ấy là "Sắc lệnh đầm máu". Kết quả là, chỉ trong vòng 30 năm (1521-1550), có tới 50.000 tín đồ Tân giáo bị giết, chôn sống, cầm tù và trục xuất ra nước ngoài.

Sau khi lên ngôi, Philip II càng tăng cường đàn áp Tân giáo. Philip II đã tăng thêm 14 chức giám mục và cho các giám mục có toàn quyền trừng trị các tín đồ dị giáo. Do vậy, việc tàn sát tín đồ Tân giáo diễn ra trên quy mô càng lớn.

*Về kinh tế*, để có chi phí ném vào cuộc chiến tranh triền miên với Pháp, Sác lơ V đã đặt ra ở Nêđéc lan một chế độ thuế khoá hết sức nặng nề, do vậy hàng năm đã vơ vét được 2 triệu đồng tiền vàng trong khi thu nhập của quốc khố trong toàn đế quốc chỉ có 5 triệu.

Đến thời Philip II, chính sách bóc lột về kinh tế đối với nhân dân Nêđéc lan càng nặng nề. Vừa mới lên ngôi năm 1557, Philip II tuyên bố đất nước phá sản. Việc đó làm cho những nhà ngân hàng đã từng cho Philip II vay nợ, bị thiệt hại. Năm 1560, Philip II lại càng tăng thuế xuất khẩu lông cừu của Tây Ban Nha làm cho số lượng lông cừu nhập vào Nêđéc lan hàng

năm giảm 40%. Philip II còn tuyên bố buôn bán với các thuộc địa ở châu Mỹ là nguồn lợi riêng của Tây Ban Nha, không cho các thuyền buôn Nêdêclan lui tới buôn bán. Đồng thời, chính sách thù địch này của Tây Ban Nha đối với Anh cũng làm cho quan hệ buôn bán giữa Nêdêclan với Anh bị đình đốn.

Như vậy, dưới sự thống trị của chính quyền phong kiến Tây Ban Nha, nhân dân Nêdêclan bị mất tự do về chính trị, bị đàn áp về tôn giáo và bị phá hoại về kinh tế. Đại đa số quần chúng nhân dân bị bần cùng phá sản. Do đó, từ năm 1534–1535, nhân dân theo phái Rửa tội lại ở Hôlan, Frixlan v.v... đã nổi dậy bạo động. Năm 1539–1540, thành phố Ghentơ nơi Sác lơ V ra đời cũng khởi nghĩa, nhưng các cuộc đấu tranh ấy đều bị đàn áp.

Tóm lại, do sự áp bức mang tính chất dân tộc của phong kiến Tây Ban Nha, mâu thuẫn giữa nhân dân Nêdêclan với bọn thống trị ngoại lai này đã phát triển đến mức cực kỳ gay gắt. Đồng thời, trong xã hội Nêdêclan còn tồn tại mâu thuẫn giữa quan hệ tư bản chủ nghĩa mới ra đời với chế độ phong kiến. Mâu thuẫn thứ nhất chính là nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy cuộc đấu tranh sớm bùng nổ, còn mâu thuẫn thứ hai là yếu tố quyết định tính chất của cuộc đấu tranh cách mạng ấy.

## II – DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG

### 1. Cách mạng bùng nổ

*a) Tình hình đêm trước của cách mạng và hoạt động hợp pháp của một số quý tộc*

Đến đầu thập kỉ 60 của thế kỉ XVI, lòng căm thù của quần chúng nông dân và binh dân thành thị đối với bọn thống trị Tây Ban Nha và các giáo sĩ Thiên chúa giáo càng bộc lộ một cách công khai. Họ nhiệt liệt hưởng ứng các học thuyết chống lại giáo hội Thiên chúa giáo như đạo Canvanh hoặc phái Rửa tội lại, do đó đã tụ tập thành những đám đông có vũ trang để nghe các nhà tuyên truyền Tân giáo diễn thuyết. Một vài vụ xung đột lẻ tẻ với hiến binh đã xảy ra.

Trong khi đó, giai cấp tư sản cũng hết sức oán giận chính sách thống trị của Tây Ban Nha ; vì vậy thông qua các công xã Canvanh giáo, họ đã tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo lợi ích của giai cấp họ.